

## TÍN NGƯỠNG CANH TÁC LÚA RỸ CỦA NGƯỜI CHIL Ở HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

**TS. Võ Tấn Tú**  
**Trường Đại học Đà Lạt**  
**Email: tuvt@dlu.edu.vn**

**Tóm tắt:** Chil là một trong 6 nhóm địa phương của tộc người Cơ Ho ở tỉnh Lâm Đồng, có nền văn hóa tín ngưỡng lâu đời. Do kinh tế truyền thống của người Chil nơi đây là nông nghiệp nương rẫy nên tín ngưỡng liên quan tới nông nghiệp, nhất là các nghi lễ được tiến hành trong quá trình canh tác lúa rẫy là nét văn hóa tiêu biểu của cộng đồng bon/làng và từng gia đình. Song, tín ngưỡng này hiện nay đã biến đổi, thậm chí bị mai một, vì nhiều nghi lễ không còn được thực hành. Dựa trên một số tài liệu đã công bố và nguồn tư liệu điền dã thực địa năm 2023 - 2024, bài viết làm rõ những yếu tố truyền thống và biến đổi trong tín ngưỡng canh tác lúa rẫy của người Chil ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Qua đó, chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi và đề xuất một vài kiến nghị nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tín ngưỡng tộc người trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

**Từ khóa:** Tín ngưỡng, lúa rẫy, Cơ Ho, người Chil, Lạc Dương.

**Abstract:** Chil is one of the 6 local groups of the Co Ho ethnicity in Lam Dong province, with a long-standing cultural belief. Because the traditional economy of the Chil people here is swidden agriculture, beliefs related to agriculture, especially rituals performed during the process of swidden rice cultivation, are typical cultural features of the village community and each family. However, this belief has now changed, even faded away, because many rituals are no longer practiced. Based on a number of published documents and field data in 2023 - 2024, the article clarifies the traditional and changing elements in the swidden rice cultivation beliefs of the Chil people in Lac Duong district, Lam Dong province. Thereby, it points out the causes leading to the change and proposes a few recommendations to contribute to preserving and promoting the cultural and religious values of the ethnic group in the context of current socio-economic development.

**Keywords:** Beliefs, upland rice, Co Ho, Chil people, Lac Duong.

Ngày nhận bài: 30/9/2024; ngày gửi phản biện: 2/11/2024; ngày duyệt đăng: 2/12/2024.

### Mở đầu

Tộc người Cơ Ho thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ-me ở Việt Nam, gồm 6 nhóm địa phương: Chil, Lạch, Srê, Nộp, T'ring, Cơ Dòn (Tổng cục Thống kê, 1979). Đến năm 2019, tộc

người Cơ Ho ở nước ta có dân số là 200.800 người, xếp thứ 16 trong 54 dân tộc, phân bố cư trú tại nhiều tỉnh thành trên cả nước. Trong đó, tỉnh Lâm Đồng là nơi tập trung đông người Cơ Ho sinh sống (75.531 người), tiếp đến là các tỉnh Bình Thuận (13.531 người), Khánh Hòa (5.724 người), Ninh Thuận (3.333 người),... (Tổng cục Thống kê, 2020). Ở tỉnh Lâm Đồng, dân số người Cơ Ho đứng thứ hai toàn tỉnh, chỉ sau người Kinh, sinh sống chủ yếu tại các huyện Lạc Dương, Di Linh, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng, Bảo Lâm. Theo đó, huyện Lạc Dương có dân số người Cơ Ho đông nhất tỉnh Lâm Đồng, tính đến ngày 01/04/2019 có 18.911 người, phân bố cư trú tại thị trấn Lạc Dương (4.882 người) và các xã: Lát (1.881 người), Đạ Sar (4.820 người), Đạ Nhim (3.862 người), Đạ Chais (1.501 người), Đưng K'nớ (1.965 người). Trong khi, dân số của tất cả các dân tộc thiểu số, bao gồm cả dân tộc Cơ Ho, ở huyện Lạc Dương năm 2019 có 19.723 người, chiếm tỷ lệ 70,56% trong tổng số 27.956 người của toàn huyện (Cục Thống kê Lâm Đồng, 2020).

Huyện Lạc Dương hiện nay có 3 nhóm địa phương của tộc người Cơ Ho sinh sống, trong đó nhóm Chil có dân số đông nhất, cư trú chủ yếu ở các xã miền núi như Đạ Sar, Đạ Nhim, Lát, Đưng K'nớ, Đạ Chais và một số ít ở thị trấn Lạc Dương. Nhóm Lạch sống ở thị trấn Lạc Dương và xã Lát. Nhóm T'ring có dân số ít hơn so với hai nhóm Chil và Lạch nên sống rải rác trên địa bàn một số xã thuộc huyện. Do sinh sống tại địa bàn miền núi nên sinh kế truyền thống của người Cơ Ho nói chung và nhóm Chil nói riêng chủ yếu mang tính tự cung, tự cấp với các hoạt động như canh tác lúa rẫy, chăn nuôi, làm thủ công ( đan lát, dệt vải, rèn, ủ rượu cần), khai thác các nguồn lợi tự nhiên (săn bắt, hái lượm, đánh bắt cá). Hình thức sinh kế này phụ thuộc nhiều vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là vốn đất đai và nguồn lợi từ rừng.

Những năm qua, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp được các ngành chức năng tỉnh Lâm Đồng quan tâm và đã quy hoạch, phát triển có hiệu quả nhiều mô hình sản xuất mới, trong đó có mô hình nông nghiệp công nghệ cao. Tại nhiều địa phương trong các huyện miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, gồm người Cơ Ho đã chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang phát triển kinh tế nông nghiệp hàng hóa. Kết quả của sự chuyển đổi đang từng bước cải thiện đời sống kinh tế của các tộc người, trong đó có người Chil nhưng chưa bền vững, trong khi đi kèm với nó là sự mai một của văn hóa truyền thống. Bài viết này dựa trên một số tài liệu đã công bố và nguồn tư liệu điền dã năm 2023-2024, tập trung làm rõ những yếu tố truyền thống và sự biến đổi trong tín ngưỡng canh tác lúa rẫy của người Chil ở huyện Lạc Dương, qua đó góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới ở vùng đồng bào tộc người thiểu số nói chung, vùng đồng bào Chil nói riêng.

### **1. Khái quát về tín ngưỡng của người Chil**

Giống như các tộc người ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, người Cơ Ho và nhóm Cơ Ho Chil theo tín ngưỡng đa thần, tôn thờ nhiều vị thần linh. Đồng bào cho rằng các vị thần tồn tại ở khắp nơi của thế giới ba tầng gồm: tầng trời, tầng người sống và tầng người chết.

Theo quan niệm của người Cơ Ho, thuở xưa kia mọi thứ đều hỗn mang, trời và đất dính liền nhau, chỉ khi thần *Nđu* xuất hiện mới lấy gậy nấu canh chống trời, tách biệt trời đất làm hai phần, trời ở trên cao, đất ở dưới thấp. Con người lúc đó chỉ biết trèo cây hái quả nhưng về sau, thần *Nđu* dạy con người cách làm nhà, dệt vải, chăn nuôi, sống thành vợ chồng. Thần *Nđu* còn cử *yang kô* (thần lúa) dạy con người làm nương rẫy, vì thế trong các vị thần thì thần lúa rất quan trọng, nên đôi khi người Cơ Ho coi thần *Nđu* và thần *yang kô* là một và gọi chung là *yang*. Theo người Cơ Ho, bao gồm cả nhóm Chil thì thần *yang kô* là đàn bà, thường ngày cư ngụ ở kho lúa, chỉ vào mùa làm rẫy mới theo con người ra sống ở nương. Sống trên trời cùng thần *Nđu* và chịu quản lý của *Nđu* là các thần *yang pit* (thần sấm sét), *yang mắt tơ ngai* (thần mặt trời), *yang mù* (thần mưa)... (Bùi Minh Đạo chủ biên, Vũ Thị Hồng, 2003, tr. 169-170).

Riêng dưới tầng trời là không gian cư ngụ của con người, cây cỏ và muông thú. Tầng thế giới này cũng có sự hiện diện của thần linh ở mọi nơi, bất kể cây cối, đất, đá có hình thù dị dạng, rừng, đồi, núi, thung lũng, khe nước, sông, suối, ao, hồ, đầm lầy... (Viện Dân tộc học, 1984, tr. 113-114). Theo người Cơ Ho, tại tầng thế giới nơi cư ngụ của con người, con rồng (*đặc kra*) đóng vai trò chúa tể sông nước, là hiện thân của thần sông suối. Riêng tầng thế giới nằm sâu trong lòng đất (*lor ga lăng puéch*), tức cõi âm là nơi cư ngụ của người chết đã biến thành ma (*cháh*). Đối với con người, ai cũng có hồn (*po nó* hay *xoan*), khi chết hồn biến thành ma và có hai loại ma: ma lành do người chết lành biến thành; ma ác do người chết không bình thường, chết bất đắc kỳ tử biến thành (Bùi Minh Đạo chủ biên, Vũ Thị Hồng, 2003, tr. 173).

Do tin theo tín ngưỡng đa thần nên người Cơ Ho, bao gồm nhóm Chil ở huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng cho rằng, mọi công việc sản xuất, chăn nuôi, săn bắt động vật, hái lượm nguồn lợi thực vật, sinh hoạt trong đời sống của con người đều bị thần linh chi phối. Đối với họ, đằng sau những điều may rủi trong làm ăn và cuộc sống thường ngày đều có sự hiện diện của các vị thần, mà họ gọi chung là “*yang*”. Để được *yang* che chở, phù hộ cho việc làm ăn và sinh sống được yên ổn, kể cả tha thứ cho những sai phạm mà con người vấp phải..., người Chil nghĩ rằng mình phải có trách nhiệm thờ cúng, hiến tế (Viện Dân tộc học, 1984, tr. 114). Tuy có nhiều loại thần và ma nhưng qua tư liệu điền dã cho thấy, người Chil ở huyện Lạc Dương thường thờ cúng các thần như: *yang trở* (thần trời), *yang ù tiah* (thần đất đai), *yang kô* (thần lúa), *yang đạ* (thần nước), *yang pnom* (thần núi), *yang chi* (thần cây), *yang mắt tơ ngai* (thần mặt trời), *yang pit* (thần sấm), *yang mù* (thần mưa),... Bởi vì, hầu hết những *yang* này đều liên quan đến sản xuất nông nghiệp, trong khi nông nghiệp lại là hoạt động mưu sinh chủ đạo trong suốt chiều dài lịch sử của tộc người Cơ Ho, trong đó có nhóm Chil. Đặc biệt, các *yang* mà họ thờ cúng không có sự phân biệt cao hay thấp, mỗi *yang* có một nhiệm vụ và quyền năng riêng, nên được dâng cúng với những lễ vật khác nhau như trâu, heo, dê, gà, rượu..., tùy theo tính chất cầu xin của con người, do đó việc cúng bái cũng có nhiều hình thức.

## 2. Tín ngưỡng canh tác lúa rẫy truyền thống

Theo truyền thống, gắn với quy trình trồng lúa rẫy, khi trải qua các khâu chọn đất, phát rẫy, đốt rẫy, tria hạt, chăm sóc, bảo vệ và thu hoạch, người Chil có những tín ngưỡng,

tập quán kiêng cử nhằm hạn chế tối đa tác động xấu gây hại cho mùa màng và những sản phẩm làm ra.

### 2.1. Tín ngưỡng và tập quán khi chọn đất, phát, đốt và dọn rẫy

Trước đây, người Chil canh tác lúa rẫy theo phương thức quảng canh, đến mùa vụ, vào khoảng tháng 12 dương lịch mới đi chọn đất và cắm mốc xác định quyền sở hữu để người khác trong bon/làng biết là đất đã có chủ. Việc này do đàn ông trong gia đình đảm nhiệm, vì phải có kinh nghiệm không chỉ chọn nơi đất tốt mà còn biết tuân thủ một số tín ngưỡng, tập quán liên quan. Theo người Chil, lúc đi chọn đất rẫy nếu nghe tiếng hươu nai kêu là điềm xấu, phải quay về nhà ngay; khi chọn đất xong, trên đường về nhà nếu có người hỏi chuyện thì không nói, để sau này chim, chuột, thú rừng không đến phá cây trồng; ngày chọn đất phải kiêng không cho người lạ vào nhà. Người Chil cho rằng đất ở ven sông suối là đất tốt, có pha cát, nhiều mùn, bằng phẳng, cây trồng dễ phát triển và cho năng suất cao; đất trên đồi nhiều đá, lại lạnh hơn đất ven sông nên cây chậm lớn, năng suất thấp. Sau khi chọn và cắm mốc xong, người dân phải làm lễ cúng *yang* tại khu đất này để cầu xin các thần linh chấp thuận vị trí khu đất vừa chọn.

Người Chil ở huyện Lạc Dương thường phát rẫy vào đầu tháng 2 dương lịch, vì đây là mùa khô. Trước đó, gia chủ phải làm lễ cúng *yang* tại nhà với lễ vật là gà và rượu cần, nhằm cầu thần linh cho phát rẫy (*mus mbrir*) và phù hộ, không để xảy ra tai nạn. Đêm hôm trước đi phát rẫy, chủ nhà phải đoán điềm tốt, xấu qua giấc mơ, nếu mơ thấy buồng chuối, đánh cá, người đàn bà ăn mặc đẹp đến nhà mình hoặc không mơ là điềm tốt, hôm sau có thể phát rẫy. Trường hợp mơ thấy người cỡi truông, gãy răng, giết gà, cho sợi cườm..., là điềm xấu, phải hoãn sang ngày khác. Ngày đầu tiên, trên đường đi phát rẫy mà chủ nhà nghe tiếng vượn kêu, gặp con rắn hay mang qua đường thì phải quay về nhà. Những ngày khác, trên đường đi phát rẫy mà thấy cầu vồng, sương muối, gặp con chuột chết, người ta cũng phải quay về, đợi hôm sau mới đi phát. Theo người Chil, đó là dấu hiệu xấu, sau này gieo hạt giống sẽ không nảy mầm hoặc sẽ có hạn hán kéo dài, cây trồng kém phát triển. Đặc biệt, trên đường đi hoặc đang phát rẫy mà nghe tin báo trong bon/làng có người chết hay phụ nữ mới sinh con thì họ lập tức quay về nhà, vì đó cũng là điềm xấu, nếu cố phát rẫy sau này cây trồng sẽ chết và sẽ bị bon trừng phạt vì trong bon có người chết mà không tới chia buồn.

Qua khảo sát cho thấy, công việc phát rẫy chủ yếu do nam giới làm. Những ngày phát rẫy, nếu gặp con khi hay con nhèn (con vật to bằng bắp chân, lông vàng, thân hình gàn giống con khi, mắt to tròn) thì phải bỏ đám rẫy đang phát, đi tìm đám khác. Người Chil cho rằng, phát rẫy mà thấy khi, nhất là khi nó đang ngủ gật, chảy nước mắt, nhìn người phát rẫy, thì gia đình sẽ gặp xui xẻo, thậm chí có người chết. Con nhèn là hiện thân của sự xui xẻo, quấy phá cuộc sống của con người, vì thế nếu cố phát rẫy sẽ ảnh hưởng xấu tới bon/làng, người trong nhà sẽ đột ngột ốm đau hoặc sẽ có bệnh dịch lạ. Khi phát rẫy, trong nhà có con gà mái đang ấp trứng mà mổ trứng liên tục cũng là điềm xấu, nếu tiếp tục phát rẫy sẽ gặp tai nạn. Phát rẫy

xong, khi về nhà chưa được tắm liền, mà phải chờ đến khi mặt trời lặn mới tắm rửa, nếu không khi đốt rẫy không cháy, gieo hạt không lên. Sau khi phát xong rẫy, người Chil lại làm lễ cúng tại nhà, cảm ơn thần linh đã phù hộ cho việc phát rẫy diễn ra suôn sẻ với lễ vật là 1 chóc rượu cần, 1 con gà và nồi cơm.

Phát rẫy xong, đợi cho cây cỏ khô hết, thường từ một tháng trở lên, tức khoảng tháng 3 dương lịch, người dân mới đốt và dọn rẫy, rồi làm lễ cúng (*chu mbrir*). Trước khi đốt, tất cả những người tham gia tuyệt đối không được tắm rửa vì sợ rẫy bị ướt, lửa sẽ không cháy hết; những người khác trong gia đình thì đem hết đồ đạc trong nhà như quần áo, chăn, giường ngủ..., ra ngoài phơi, vì có như vậy cây trong rẫy mới khô đều, lửa mới cháy sạch rẫy. Thời điểm đốt rẫy là đầu giờ chiều, lúc nắng nóng, cây khô sẽ cháy nhanh và cháy hết. Sau đó, gia đình sẽ gom dọn các nhánh cây cháy dở ra bìa rẫy. Do là công việc vất vả nên việc đốt, dọn rẫy có thể kéo dài 3 - 4 ngày với sự tham gia của cả nhà. Khi đốt và dọn rẫy xong, gia chủ làm lễ cúng tại nhà với lễ vật là 1 con gà, 1 con heo và chóc rượu cần để cảm ơn, mong thần linh tiếp tục phù hộ công đoạn chọc lỗ tria hạt giống.

## 2.2. Tín ngưỡng và tập quán khi tria hạt và chăm sóc lúa

Theo người Chil, sáng sớm lên rẫy chọc lỗ, tria hạt (*tũc ngǎr*) mà thấy xác con trăn bị thiêu cháy thì bỏ hoang đám rẫy này, tức là đi canh tác rẫy khác. Trường hợp thấy đoàn kiến đen đi ngang qua đường, cần né tránh, không giẫm chết kiến, vì nếu giẫm chết kiến, việc gieo tria hạt sẽ không may mắn; gặp rắn hay chuột chết hoặc thai phụ mới sinh con thì phải quay về nhà, hôm sau mới đi làm tiếp, bởi cố đi làm sẽ dễ gặp tai nạn; trong bon có người vừa chết cũng phải quay về chia buồn với gia đình người quá cố. Trên rẫy, người Chil gieo trông theo phương thức đàn ông đi trước chọc lỗ, phụ nữ theo sau tria hạt, trẻ em có thể phụ giúp. Trước khi đem hạt giống đi tria, họ thường trộn hạt giống với một ít tro bếp để tránh bị kiến ăn. Khi vừa trở về nhà, những người tham gia tria hạt chưa được gội đầu, chỉ rửa tay chân, do quan niệm nếu tắm rửa thì hạt giống sẽ bị nước mưa rửa trôi, không nảy mầm. Đặc biệt, vào ngày cả làng đi gieo tria rẫy, chủ bon treo một nhánh lá cây khô trước cổng bon/làng báo hiệu cho khách lạ không được vào bon, nếu có người lạ vào bon thì hạt giống sẽ không nảy mầm đều.

Khi vừa tria hạt xong, người Chil kiêng cử 3 ngày, không cho người ngoài vào nhà mình và người trong nhà cũng không ra ngoài làng, không trao đổi mua bán bất kỳ vật gì với ai. Họ sợ rằng nếu không kiêng cử thì hạt giống trên rẫy sẽ bị chuột, chim, sâu bọ ăn. Nếu có phụ nữ mang thai đến nhà, gia đình đó buộc thai phụ lấy một nắm gạo hay lúa mang về, nếu không thì hạt giống trên rẫy sẽ không mọc. Họ làm lễ cúng *tũc ngǎr* tại nhà cầu *yang* giúp cho mưa thuận gió hòa, hạt giống nảy mầm tốt và chóng xanh tươi, đừng cho chim thú phá hoại mùa màng. Lễ vật cúng gồm 1 chóc rượu cần và 1 con gà, người cúng đọc câu khấn: “*O yang, o yang, o yang! Mir neh tuóc ser, dǎn lôh bǎ lôh jêng, lôh vêng, lôh hon...*” (Hỡi thần linh, hỡi thần linh, hỡi thần linh! Rẫy đã chọc lỗ tria hạt, xin thức dậy với, dậy sống, dậy nảy mầm) (PVS. Ông Cơ L. H. B., sinh 1947, thôn 1, xã Đưng K'nó).

Sau đó, họ đến rẫy trồng bùa ngải (*tăm gun sơ nom*) là loại cây có thân lá giống cây nghệ, đem trồng quanh đất rẫy với ý nghĩa chống lại người khác sau này đến phá hoại, trộm cắp sản phẩm trong rẫy. Trước khi trồng bùa ngải, gia chủ làm lễ *tăm gun sơ nom* bằng cách giết con gà, lấy huyết pha nước lã vẩy lên đất rẫy và đọc bài chú. Tiếp theo, gia đình có thể cúng cầu mưa với lễ vật 1 con gà, 1 chóc rượu cần để khấn xin thần mưa, thần sấm sét cho mưa để hạt lúa vừa tria xong được nảy mầm, cây lúa tươi tốt, đồng thời cầu xin thần sấm sét đừng làm hại con người. Việc coi sóc rẫy của người Chil khá đơn giản, từ khi lúa được một tuần tuổi đến khi thu hoạch họ chủ yếu canh rẫy, không cho chim chóc hay thú rừng vào phá hoại. Cây lúa được phát triển tự nhiên, không bón phân hay tưới nước..., vì vậy năng suất mang lại thường không cao.

### 2.3. Tín ngưỡng và tập quán khi thu hoạch lúa

Để chuẩn bị thu hoạch, gia chủ làm lễ buộc chân lúa (*cuốt jong kôi*) bằng cách túm 4 - 5 gốc cây lúa ở giữa rẫy để buộc với nhau bằng một sợi chỉ, rồi kéo sợi chỉ ấy tới chòi canh rẫy. Sau đó, gia chủ khấn cúng tại chòi với lễ vật 1 con gà, 1 chóc rượu cần, 1 nhúm lúa vừa tuốt trên rẫy. Họ lấy huyết gà hòa với rượu vẩy lên nhúm lúa bày cúng, với mong muốn thần lúa luôn ở lại rẫy nhà mình, không đi sang rẫy người khác. Cúng lễ xong coi như vào mùa thu hoạch lúa, những người phụ nữ tuốt lúa vào gùi, nam giới vận chuyển lúa về kho tạm trong chòi rẫy, sau đó mới chuyển về kho ở nhà. Trên đường vận chuyển, người Chil cột sợi chỉ ở cổ chân với hàm ý nếu có hạt thóc nào rơi xuống đường, thần lúa cũng sẽ theo sợi chỉ ấy mà về tận kho lúa tại nhà.

Trước khi chuyển lúa về nhà, gia đình chuẩn bị đồ lễ và mời chủ bon đến cúng rước lúa về kho tại nhà (*ắt kôi tom hiu*). Chủ bon lấy huyết gà hòa với rượu vẩy quanh kho và khấn: “*O yàng... o yàng... o yàng koi, yàng mbô, bẻ knot tơ pã jong khai ăm, ka pã tiêng khai ăm, kôi mbô neh toes ân tom đăm bản ndu, bản lôt lêng lang kôi mbô yơ*” (Hỡi thần linh... hỡi thần linh... hỡi thần lúa, thần bắp, như con ếch đã gãy chân ở lại, cá gãy đuôi ở lại, lúa bắp đã thu hoạch về kho đừng trốn, đừng đi lang thang nhé lúa, bắp) (PVS. Ông Kơ S. H. Ch., sinh năm 1940, thôn 4, xã Đa Sar). Lễ cúng nhằm cảm ơn thần linh đã phù hộ mùa màng tươi tốt, mong thần lúa ở lại với gia đình để mùa vụ năm sau sẽ cho nhiều thóc lúa. Quy mô lễ cúng rước lúa về kho tùy điều kiện kinh tế của từng nhà, nhà nào thu hoạch được nhiều sẽ làm lễ cúng lớn, có thể mổ bò, heo; nếu thu hoạch ít chỉ cần 1 chóc rượu cần và 1 con gà.

Tháng 12 dương lịch khi công việc nương rẫy hoàn tất, hạt lúa ngoài rẫy đã nằm trong kho, các chóc rượu cần đã tới ngày uống được, người Chil làm lễ ăn mừng mùa vụ (*chờ hợp kơ nhai toes*). Đây là lễ hội cuối cùng trong một chu kỳ canh tác cây lúa rẫy của đồng bào, với ý nghĩa tạ ơn các thần đã ban cho gia đình và dân bon cuộc sống ấm no: thần đất đã ban cho hạt lúa, bắp; thần núi rừng đã làm cho cây cối đâm chồi, nảy lộc; thần nước ban cho nước, đem lại sức khỏe cho con người, súc vật,... Khi được hỏi, ông Bon Niêng H. L., sinh năm 1961, thôn 1, xã Đưng K'nó đã nói: “*Đây là tín ngưỡng có từ lâu đời của người Chil chúng*

tôi. Thu hoạch được nhiều lúa và đưa được lúa về kho an toàn là cả gia đình vui mừng lắm, vì vậy phải làm lễ cúng yang để tạ ơn yang, tạ ơn ông bà tổ tiên, những người đã khuất, đã phù hộ cho thóc lúa đầy kho”. Nghi lễ được tổ chức long trọng tại nhà mỗi gia đình, gia chủ mời bà con, hàng xóm đến chung vui.

Trước tiên, chủ nhà lấy huyết con vật hiến tế hòa với rượu cần để vẩy xung quanh kho lúa và quanh nhà của mình rồi khấn: “*O yang, o yang, o...yang oi! yang kòi bơh rohê, dân ai bol he in... sa on joh, dơh dơh hơm ya, hiu nhả sa tol bơh sơ tom tus lòi nam...*” (Hỡi thần linh, hỡi thần linh, hỡi...thần linh oi! thần lúa từ chân lúa, xin cho chúng tôi... ăn không hết, lâu lâu vẫn còn, gia đình ăn đủ từ lúc bắt đầu tới hết năm...) (PVS. Ông Kon S. H. Ch., sinh năm 1948, thôn Long Lanh, xã Đa Chais). Khi các lễ vật chuẩn bị đầy đủ cũng là lúc lễ cúng mừng mùa vụ bắt đầu. Chủ nhà mời thầy cúng ngồi vào chóc rượu cần thứ nhất, rồi đưa chén đựng cơm, kèn làm từ ống lồ ô cho thầy cúng. Thầy cúng thổi ra âm thanh từ ống kèn gọi hồn lúa dừng ở nương rẫy nữa, hãy về nhà trú ngụ trong kho của gia đình, hãy cho gia đình cả năm luôn no đủ,... Tiết của con gà trống được bôi lên tất cả các vật dụng trong nhà để chúng tỏ hồn lúa đã hiện diện nơi đây. Rượu cần thường có 3 chóc: chóc đầu tiên cúng thần lúa và người uống đầu tiên là thầy cúng, rồi đến chủ nhà, bà con trong dòng họ; chóc thứ 2 mời hàng xóm láng giềng trong bon; chóc thứ 3 mời đội diễn tấu cồng chiêng và đội hậu cần lễ cúng.

Sau nghi thức mời rượu, thầy cúng lấy bột gạo được giã từ những hạt lúa mới bôi lên các vật dụng trong nhà, rồi cầu khấn thần linh hãy ban cho các thành viên trong gia đình sức khỏe dồi dào, kho luôn đầy lúa, một năm đủ no, không xảy ra nạn đói,... Khấn xong, gia đình cùng với thầy cúng và khách mời bắt đầu cuộc vui như ngày hội. Họ ăn uống từ gia đình này đến gia đình khác trong bon/làng liên tiếp 5 ngày. Đây là thời gian cả bon không đi làm, chỉ mặc đồ đẹp và ăn uống vui vẻ, chúc mừng nhau về những thành quả thu được sau một năm làm việc vất vả. Đặc biệt, họ cùng nhau tạ ơn thần linh đã ở cùng họ và giúp cho việc canh tác nương rẫy được suôn sẻ, cầu mong thần linh tiếp tục ban những điều tốt đẹp cho dân làng và gia đình trong những tháng, năm tiếp theo. Có thể nói, lễ ăn mừng mùa vụ là thời điểm khép lại một năm lao động sản xuất, được người Chil xem như là tết của cộng đồng mình, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của đồng bào có tín ngưỡng đa thần, lấy nghề nông nghiệp lúa rẫy làm nền kinh tế chính.

### **3. Những biến đổi trong tín ngưỡng canh tác lúa rẫy**

#### **3.1. Nguyên nhân biến đổi**

Nhìn chung, tín ngưỡng canh tác lúa rẫy của người Chil ở huyện Lạc Dương hiện nay đã có sự biến đổi rất nhiều do một số nguyên nhân dưới đây:

Thứ nhất, sau khi thống nhất đất nước năm 1975, các chương trình di dân xây dựng vùng kinh tế mới, định canh định cư của Đảng và Nhà nước đã tạo ra sự phát triển nhanh ở Tây Nguyên, trong đó có tỉnh Lâm Đồng. Đặc biệt từ khi Đổi mới năm 1986, càng có nhiều

chính sách của Nhà nước được thực thi ở Tây Nguyên, tiêu biểu như Nghị quyết số 22/NQ-TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi (1989); Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa” (Chương trình 135); Chính sách theo các nghị quyết, quyết định của Chính phủ như: Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg, Quyết định số 2085/QĐ-TTg năm 2016,... Đó là chưa kể tới các chính sách của mỗi tỉnh, huyện/thị xã thuộc vùng Tây Nguyên trên cơ sở thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, chính sách của Nhà nước. Qua thực thi các chính sách, kinh tế - xã hội, các tỉnh Tây Nguyên, nhất là tỉnh Lâm Đồng ngày càng phát triển, có tác động mạnh mẽ tới tín ngưỡng của các tộc người, đặc biệt các tộc người thiểu số tại chỗ. Bởi trên lĩnh vực kinh tế, tập quán canh tác lúa rẫy của đồng bào đã bị phá vỡ, hình thành những vùng chuyên canh các cây công nghiệp như cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, hồng ăn trái, rau, hoa quả...; riêng lĩnh vực xã hội, có sự tăng đột biến số lượng dân di cư kéo đến, xuất hiện các khu hành chính mới, thúc đẩy đô thị hóa, gia tăng xen cư,... Chẳng hạn, tỉnh Lâm Đồng năm 1980 chỉ có 67 xã (Mạc Đường chủ biên, 1983, tr. 13) nhưng đến năm 2009 đã là 118 xã (Cục Thống kê Lâm Đồng, 2010), từ 1996 đến 2000 có 20.870 hộ với 104.500 người từ nơi khác di cư tới Lâm Đồng (Tỉnh ủy Lâm Đồng, 2001), dẫn đến gia tăng việc cư trú xen kẽ giữa người Kinh với các tộc người khác. Cụ thể tại điểm nghiên cứu là huyện Lạc Dương, các xã Lát, Đạ Sar, Đạ Nhim, thị trấn Lạc Dương..., đều có nhiều người Kinh sống xen với người Cơ Ho. Có thể nói, qua quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kinh tế và bộ mặt nông thôn ở các tỉnh Tây Nguyên từng bước đổi mới, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đã cơ bản xóa bỏ “tập quán canh tác cũ” để chuyển sang trồng cây công nghiệp, rau, hoa quả, dược liệu..., theo hướng áp dụng khoa học kỹ thuật. Vì thế, bối cảnh hiện nay hầu như đã mất đi yếu tố vật chất quan trọng cho việc duy trì các hình thức tín ngưỡng truyền thống của các tộc người tại chỗ Tây Nguyên, kể cả tín ngưỡng canh tác lúa rẫy của người Chil ở huyện Lạc Dương.

Thứ hai, việc giao lưu, tiếp biến văn hóa góp phần đẩy nhanh quá trình biến đổi tín ngưỡng truyền thống của các tộc người tại chỗ Tây Nguyên, trong đó có người Cơ Ho ở tỉnh Lâm Đồng. Hiện tại, đại đa số các bon/làng của người Chil ở các xã thuộc huyện Lạc Dương không còn thuần nhất một tộc người, thay vào đó nhiều tộc người cùng cộng cư. Điều này dẫn đến sự tác động qua lại, tiếp thu văn hóa lẫn nhau. Cụ thể như trong hoạt động kinh tế, người Chil ngày càng giao lưu, học hỏi người Kinh và các tộc người khác về việc phát triển những cây trồng mới, áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Qua đó, người Chil biết tính toán làm ăn, biết thâm canh tăng vụ, xen canh gối vụ trên một diện tích đất, mở rộng thêm diện tích trồng các giống cây mới như cà phê, atisô, rau, hoa,... Đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa, giao lưu tiếp biến đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi phương diện, kể cả tín ngưỡng tộc người. Đó là chưa kể tới việc người dân các tộc người nơi đây còn chuyển đổi tín ngưỡng đa thần của mình sang theo các tôn giáo mới. Bởi tính đến ngày 31/12/2018, toàn huyện Lạc Dương

đã có 3 tôn giáo lớn là Công giáo, Tin lành và Phật giáo, với số người tin theo chiếm đến 71,3% tổng dân số (UBND huyện Lạc Dương, 2019). Qua điền dã tại các điểm nghiên cứu, phần lớn người Chil ở Lạc Dương nay đã là tín đồ Công giáo và Tin lành, sống tập trung hay xen kẽ tại các bon, có đời sống ổn định, đoàn kết. Ngoài những tác động tích cực do giáo dục, y tế, đổi mới sản xuất nông nghiệp, sự xâm nhập các tôn giáo đã làm biến đổi mạnh mẽ đời sống tâm linh của người Chil nơi đây: suy giảm niềm tin vào các giá trị truyền thống tộc người, từ bỏ tín ngưỡng đa thần, vai trò của chủ bon bị thay thế bởi linh mục và mục sư, đội ngũ thầy cúng hiếm dần,...

Hơn nữa, việc nâng cao trình độ dân trí của người dân các tộc người tại chỗ, trong đó có người Chil càng có điều kiện để đồng bào tự lựa chọn con đường phát triển mọi mặt theo xu hướng hiện đại hóa so với thực hành các nghi lễ truyền thống, bao gồm hoạt động sản xuất, quản lý xã hội, sinh hoạt văn hóa, tổ chức nghi lễ tín ngưỡng,... Thực tế tại nhiều địa phương thuộc huyện Lạc Dương cho thấy, hiện nay đã có nhiều người Chil tốt nghiệp trung học phổ thông, đại học, sau đại học và một số người đang học tại các trường cao đẳng, đại học. Đây chính là đội ngũ tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, các tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ, loại bỏ những yếu tố không còn phù hợp trong sinh hoạt tín ngưỡng đa thần, giữ lại những yếu tố truyền thống tốt đẹp của tộc người. Điền dã năm 2023 - 2024 tại các điểm nghiên cứu cho thấy, rất nhiều tri thức trẻ người Chil đang đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo chủ chốt, nhất là ở cấp cơ sở, góp phần vào việc chất lọc để duy trì, phát huy các yếu tố văn hóa tín ngưỡng tốt đẹp của tộc người cho phát kinh tế, quản lý xã hội, bảo vệ môi trường...

### **3.2. Những biến đổi so với truyền thống**

Tín ngưỡng của mỗi tộc người, bao gồm tộc người Cơ Ho và nhóm Chil ở tỉnh Lâm Đồng là văn hóa nên luôn ở trạng thái động dưới sự tương tác từ nhiều yếu tố, đặc biệt là sự thay đổi về môi trường sống, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nhận thức của con người. Bởi thế, từ sau công cuộc Đổi mới đất nước năm 1986, nhất là trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế gần đây, tín ngưỡng truyền thống của người Chil tại các địa phương cũng không ngừng biến đổi. Trong đó, rõ nét nhất là một bộ phận không nhỏ người Chil tại các điểm nghiên cứu đã chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống đa thần sang Công giáo, đặc biệt là Tin Lành. Các tín đồ của các tôn giáo mới ngoại lai này đã bãi bỏ nơi thờ cúng tổ tiên để tập trung thờ và cầu Chúa Giê-su; không thực hành các hình thức thờ cúng trong gia đình và cộng đồng bon/làng cũng như các nghi lễ liên quan tới hoạt động kinh tế truyền thống, trong đó có canh tác lúa rẫy; bỏ đi các loại nhạc cụ truyền thống được sử dụng trong cúng bái, các bài khấn cúng dân gian,... Rõ ràng, từ khi tin theo Công giáo và Tin lành, các tín đồ tôn giáo mới này đã bỏ hoàn toàn các nghi lễ cúng thần linh liên quan đến nông nghiệp trồng lúa rẫy. Trước khi tiến hành công việc, đặc biệt những công việc hệ trọng, cá nhân tín đồ hoặc cả gia đình chỉ cầu nguyện Chúa. Đến khi thu hoạch lúa mang về nhà, họ chỉ cần mổ gà hoặc mổ heo, chuẩn bị 2 - 3 mâm cơm, sau đó mời các chức sắc tôn

giáo đến cầu nguyện để tạ ơn Chúa đã ở cùng các tín đồ suốt năm qua và cho nhiều thành quả từ hoạt động kinh tế.

Đối với bộ phận người Chil không theo Tin Lành thì cũng có những biến đổi nhất định về thế giới quan, quan niệm. Một mặt, do họ chỉ còn nhớ một số ít các loại *yang* tiêu biểu như *yang kôl* (thần lúa), *yang trô* (thần trời), *yang ù tiah* (thần đất đai), *yang đạ* (thần nước), *yang pnom* (thần núi), *yang pit* (thần sấm), *yang mùu* (thần mưa)...; thậm chí khi được hỏi, trong lớp trẻ người Chil, họ không nhớ tên các thần linh này bằng tiếng mẹ đẻ, họ thường nói bằng tiếng Kinh là thần trời, thần mưa, thần nước, thần đất..., do giao lưu ngôn ngữ với người Kinh láng giềng. Nếu trước đây, khi thu hoạch vụ mùa đạt năng suất không cao, người Chil ở huyện Lạc Dương tin đó là do thần lúa và hồn lúa gây ra, thì ngày nay, họ biết rằng do thời tiết không thuận lợi hay do giống, kỹ thuật chăm sóc lúa không tốt. Mặt khác, ngày nay mọi người Chil đều trồng những giống lúa mới năng suất cao với thời gian sinh trưởng ngắn hơn, một năm có thể tiến hành nhiều vụ; đồng thời, họ còn trồng các cây công nghiệp như cà phê, hoa, rau, atisô,...; do vậy, họ không còn tổ chức các nghi lễ cúng rẫy, cúng thần lúa như trước. Đặc biệt, các sự kiện như khai thác rừng, xây dựng nhà máy thủy điện, xây dựng hồ thủy lợi..., đã làm cho người Chil suy giảm niềm tin vào các vị thần rừng, thần núi, thần sông, thần đất... Có thể thấy, những quan niệm về thần linh đã không còn chi phối nhiều đến các công việc sản xuất và đời sống kinh tế của họ như trước đây.

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy, những gia đình người Chil không theo Tin Lành ở huyện Lạc Dương vẫn còn bảo tồn và tổ chức nghi lễ ăn mừng mùa vụ hay còn gọi là lễ ăn lúa mới (*chờ hợp kơ nhai toes*) theo truyền thống. Song, quy mô tổ chức nghi lễ này thường nhỏ lẻ, do không mời được nhiều hộ gia đình cùng tham gia khi một gia đình nào đó làm lễ, bởi phần lớn các gia đình láng giềng đã tin theo tôn giáo mới, đặc biệt là Tin lành. Bên cạnh đó, vật hiến sinh trong quá trình thực hành nghi lễ *chờ hợp kơ nhai toes* thường là gà và heo, hầu như không còn giết trâu, bò như trước. Các lễ thức cũng đã giản lược đi rất nhiều, cụ thể là bài khấn cúng và thời gian thực hiện các bước lễ được rút ngắn, các vật tế kèm theo cũng đơn giản hóa,... Các tập quán, nghi lễ như: *pàh têh mbrir* (lễ chọn đất rẫy), *mus mbrir* (tập quán phát rẫy), *chu mbrir* (tập quán dọn rẫy), *túc ngăh* (lễ khi tria hạt), *tăm gun sô nom* (lễ trồng bùa ngải), *cuốt jong kôl* (lễ buộc chân lúa), *ắ kôl tom hiu* (lễ đưa lúa về kho ở nhà)..., không còn được duy trì. Do các công đoạn phát rẫy và đốt rẫy được cho là vi phạm pháp luật, khi gieo giống người Chil không còn trông chờ vào thần linh nữa mà đã biết áp dụng khoa học - kỹ thuật vào hoạt động nông nghiệp. Do không còn tồn tại nhiều nghi lễ tín ngưỡng trong quy trình canh tác lúa rẫy như trước cùng với việc phần lớn người Chil đã trở thành tín đồ của một số tôn giáo ngoại lai, nên thầy cúng ngày nay trong các bon cũng không còn nhiều. Khi những người thầy cúng già chết đi, lớp người kế tiếp sau cũng không còn mặn mà với công việc cúng bái này, vì thế tín ngưỡng nông nghiệp làm lúa rẫy hiện nay nếu nơi nào còn duy trì thì việc cúng thần thường do chủ hộ đứng ra đảm nhiệm.

### **Kết luận và kiến nghị**

Từ trong lịch sử phát triển tộc người, ở người Cơ Ho cũng như nhóm Chil sinh sống tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng đã hình thành và duy trì tín ngưỡng đa thần, với quan niệm cho rằng các vị thần linh tồn tại ở khắp mọi nơi của thế giới ba tầng là tầng trời, tầng người sống và tầng người chết. Trong đó, các vị thần trời, thần đất đai, thần lúa, thần nước, thần núi, thần cây, thần mặt trời, thần sấm, thần mưa liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, và nông nghiệp đóng vai trò là nguồn sinh kế chủ đạo trong suốt chiều dài lịch sử của tộc người.

Do tôn thờ nhiều thần linh nên theo người Chil, mọi công việc sản xuất, chăn nuôi, săn bắt và hái lượm nguồn lợi tự nhiên, sinh hoạt của con người đều bị thần linh chi phối. Với họ, đằng sau những điều may rủi trong sinh kế và cuộc sống thường ngày đều có sự hiện diện của các vị thần, mà họ gọi chung là “*yang*”. Để được *yang* che chở, phù hộ cho việc làm ăn và sinh sống được yên ổn, kể cả tha thứ cho những sai phạm mà con người vấp phải..., họ nghĩ rằng mình phải có trách nhiệm thờ cúng, hiến tế. Vì thế, trong canh tác lúa rẫy trước đây, người Chil phải thực hiện nhiều nghi lễ và tập quán tín ngưỡng gắn với từng công đoạn làm rẫy, như chọn đất rẫy, phát rẫy, dọn rẫy, tria hạt, trồng bùa ngải, buộc chân lúa, đưa lúa về kho...

Tuy vậy, hiện nay các nghi lễ cũng như tập quán tín ngưỡng liên quan tới canh tác lúa rẫy của người Chil tại huyện Lạc Dương đã biến đổi và mai một, chỉ còn sót lại lễ *Chò hợp kơ nhai toes* (lễ mừng mùa vụ bội thu vào dịp cuối năm). Đây là một nghi lễ rất có giá trị trong bối cảnh hiện nay, cần được bảo tồn và phát huy. Bởi vì, nội dung của nghi lễ không chỉ phản ánh nhiều yếu tố bản sắc văn hóa tộc người Cơ Ho mà còn bảo lưu mang tính kế tục truyền thống tộc người, thể hiện rõ tinh thần đoàn kết của mỗi gia đình, dòng họ và cộng đồng, góp phần khơi dậy và tăng cường tình yêu thiên nhiên của đồng bào, gìn giữ mối quan hệ đoàn kết của những người dân Cơ Ho Chil còn duy trì và thực hành tín ngưỡng truyền thống. Hơn nữa, sau một năm lao động vất vả, đây cũng là dịp để mọi người dân bon/làng được sinh hoạt trong không khí lễ hội nhằm động viên tinh thần lao động sáng tạo để có cuộc sống ngày càng yên vui.

Để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa tín ngưỡng tốt đẹp trên của đồng bào, nghiên cứu này đề xuất kiến nghị rằng chính quyền và các tổ chức chính trị - đoàn thể địa phương cần tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc duy trì và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của mỗi tộc người; tuyên truyền các thành tựu đạt được về kinh tế - xã hội và văn hóa trong quá trình thực hiện các chính sách, trong đó có chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; qua đó từng bước bảo tồn và phát huy bản sắc tinh hoa văn hóa tộc người, lược bỏ những phong tục, tập quán, nghi lễ tín ngưỡng không còn phù hợp với bối cảnh mới. Trên cơ sở thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”, chính quyền và các cấp, các ngành chức năng địa phương cần thực sự quan tâm phối hợp chặt chẽ với các chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong bon/làng cùng phát động phong trào gìn giữ và thực hành những phong tục

mang nét đẹp văn hóa tộc người, tuyên truyền cho các tín đồ nói riêng và người dân các tộc người nói chung hưởng ứng phong trào một cách hiệu quả.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở tỉnh Lâm Đồng năm 2009: Các kết quả chủ yếu*, Đà Lạt.
2. Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng (2020), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 01/4/2019 tại tỉnh Lâm Đồng*, Đà Lạt.
3. Bùi Minh Đạo chủ biên, Vũ Thị Hồng (2003), *Dân tộc Cơ Ho ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Mạc Đường (Chủ biên, 1983), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Lâm Đồng.
5. Tỉnh ủy Lâm Đồng (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VII (Nhiệm kỳ 2001 - 2005)*.
6. Tổng cục Thống kê (1979), *Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê chính thức ban hành “Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam” để sử dụng thống nhất trong các ngành các cấp ở trung ương và địa phương trong cuộc tổng điều tra dân số năm 1979*.
7. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
8. Ủy ban nhân dân huyện Lạc Dương (2019), *Báo cáo quá trình hình thành và 40 năm phát triển của huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng (14/3/1979 - 14/3/2019)*.
9. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.